

Số: /QĐ-TTKSBT

Đà Nẵng, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét chọn giá
Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất Hóa lý - Vi sinh phục vụ
hoạt động chuyên môn trong công tác xét nghiệm và bảo quản thiết bị

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Nam;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-TTKSBT ngày 14/11/2025 về việc ban hành Quy trình mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, máy móc, thiết bị y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của khoa Dược - Vật tư y tế tại Tờ trình ngày 03/12/2025 về việc Phê duyệt kết quả xét chọn giá gói thầu: Mua vật tư, hóa chất Hóa lý - Vi sinh phục vụ hoạt động chuyên môn trong công tác xét nghiệm và bảo quản thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chọn giá với các nội dung như sau:

- Tên gói thầu: Mua vật tư, hóa chất Hóa lý - Vi sinh phục vụ hoạt động chuyên môn trong công tác xét nghiệm và bảo quản thiết bị.
- Giá gói thầu: 35.488.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).
- Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng.
- Tên nhà thầu trúng thầu, số lượng và giá trị mua sắm
 - Công ty cổ phần Khoa học Công nghệ T&T. Giá trúng thầu: 28.360.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) - Phụ lục I.

- Công ty TNHH Mỹ Ân. Giá trúng thầu: 7.128.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu, một trăm hai mươi tám nghìn đồng*) - Phụ lục II.

5. Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo khoản 4 Điều 80 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

7. Loại hợp đồng: Trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao khoa Dược - Vật tư y tế phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán và các khoa, phòng có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tiến hành tổ chức thực hiện ký kết hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược - Vật tư y tế, khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN, phòng Tài chính - Kế toán và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, DVTTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Vĩnh

Phụ lục I

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày /12/2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty cổ phần KHCN T&T

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hãng-Nước SX	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	Màng lọc 0,45 micromet	Cái	Kích thước lỗ lọc 0,45 micromet, đường kính màng lọc 47mm; Màng lọc PTFE	Sartorius -Đức	200	44.900	8.980.000
2	Quả bóp cao su 3 van	Cái	Làm từ cao su tự nhiên hay tổng hợp, có khả năng kháng hóa chất ở mức độ thông thường. Có 3 van bi: van thải khí, van hút dung dịch, van xả dung dịch,	Isolab -Đức	03	190.000	570.000
3	Quả bóp cao su đuôi chuột	Cái	Quả bóp cao su dạng đuôi chuột dùng cho pipette, vật liệu cao su thiên nhiên hoặc tổng hợp chịu hóa chất, với cỡ phù hợp pipette tiêu chuẩn.	Trung quốc	03	30.000	90.000
4	Ethanol absolute PA 99,9%	ml	Dạng lỏng, độ tinh khiết.> 99,9%	Merck -Đức	2.500	156	390.000
5	Chỉ thị metyl xanh	gam	Dạng tinh thể, màu xanh đậm	Thermo Fisher - Mỹ	25	46.000	1.150.000
6	Chỉ thị metyl đỏ	gam	Chất rắn, đỏ sẫm	Thermo Fisher - Mỹ	25	47.200	1.180.000
7	Ống chuẩn H2SO4 0,1N	Ống	Nồng độ H2SO4 0,1N	Việt Nam	02	60.000	120.000
8	Axit sunfuric	ml	Hàm lượng axit Sunfuric (H2SO4) ≥ 96%	Merck -Đức	1.000	620	620.000
9	Glycine (analytical standard, for	gam	"Assay ≥ 99%;	Sigma -Đức	10	175.000	1.750.000

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hãng-Nước SX	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
	nitrogen determination according to Kjeldahl method)		Impurities: 18.6%±0.2% total nitrogen acc. to Kjeldahl loss: ≤0.05% loss on drying"				
10	Amonium chloride	gam	Assay ≥ 99,5%	Merck -Đức	500	1.760	880.000
11	Fe ₂ (SO ₄) ₃	gam	- Khối lượng phân tử: 399,88 g / mol (khan) - Tỉ trọng: 3.097 g / cm ³ (khan) - Độ nóng chảy: 480 ° C (896°F; 753 K) (khan)	Sigma -Đức	250	16.760	4.190.000
12	KMnO ₄ 0,1N	Ống	Nồng độ KMnO ₄ 0,1N	Việt Nam	02	50.000	100.000
13	CuSO ₄	gam	Khối lượng phân tử 249,69 g/mol	SRL- Ấn Độ	500	640	320.000
14	NaOH	gam	Chất rắn, dạng viên, vảy hoặc hạt, dạng bột; màu trắng, hàm lượng NaOH >96%	Thermo Fisher - Mỹ	2.000	310	620.000
15	Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O	gam	Hóa chất sử dụng để phân tích, chất rắn màu trắng, dạng hạt hoặc tinh thể	Duksan -Hàn Quốc	1.000	340	340.000
16	Ống chuẩn NaOH 0,1N	Ống	Hàm lượng NaOH 0,1N	Việt Nam	02	50.000	100.000
17	Multi Cation Standard 2 for IC TraceCERT®, ≤0.1% in nitric acid (Ba, Ca, K, Li, Mg, Mn, Na, NH ₄ , Sr) 100 mg/L	ml	"certified reference material TraceCERT® Ba, 100 mg/L Ca, 100 mg/L K, 100 mg/L Li, 100 mg/L Mg, 100 mg/L Mn, 100 mg/L Na, 100 mg/L NH ₄ , 100 mg/L	Sigma -Đức	100	69.600	6.960.000

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hãng-Nước SX	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Sr, 100 mg/L ≤0,1% in nitric acid ion chromatography: suitable"				
Tổng cộng:							28.360.000
Bằng chữ: Hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng.							

Phụ lục II

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày /12/2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty TNHH Mỹ Ân

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hãng-Nước SX	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	MYP (Mannitol Egg Yolk Polymyxin)	gam	* Thành phần: gam/Lit - Meat extract: 1.0 g - Peptone: 10.0 g - Mannitol: 10.0 g - Sodium chloride: 10.0 g - Phenol red: 0.025 g - Agar: 12.0 g * pH sau khi hấp tiệt khuẩn 7.2 ± 0.2 * Có giấy chứng nhận COA * Chai 500g	Oxoid- Thermo Fisher- Anh	500	2.646	1.323.000
2	MKTTn (Muller- Kauffmann Tetrathionate Novobiocin)	gam	* Thành phần: gam/Lit - Meat extract: 4.3 g - Enzymatic digest of casein: 8.6 g - Sodium chloride: 2.6 g - Calcium carbonate: 38.7 g - Sodium thiosulphate (anhydrous): 30.5 g - Ox bile: 4.78 g - Brilliant green: 0.0096 g * pH sau khi hấp tiệt khuẩn 8.0 ± 0.2 * Có giấy chứng nhận COA * Chai 500g	Oxoid- Thermo Fisher- Anh	500	2.093,04	1.046.520

Que	- Chủng vi sinh được cố định bằng lớp gel cho phép cấy trực tiếp lên các môi trường mà không cần hoạt hóa. - Quy cách đóng gói: 5 que cấy/ gói - Mỗi que cấy được cố định sẵn chủng chuẩn, đóng gói riêng biệt, tránh gây nhiễm chéo. - Mật độ vi khuẩn/lớp: > 104CFU - Thời chủng: ≤ 3 (F3) - Bảo quản: 2 - 8 độ C	Thermo Fisher- Mỹ	
Que	- Chủng vi sinh được cố định bằng lớp gel cho phép cấy trực tiếp lên các môi trường mà không cần hoạt hóa. - Quy cách đóng gói: 5 que cấy/ gói - Mỗi que cấy được cố định sẵn chủng chuẩn, đóng gói riêng biệt, tránh gây nhiễm chéo. - Mật độ vi khuẩn/lớp: > >104CFU - Thời chủng: ≤ 3 (F3) - Bảo quản: 2 - 8 độ C	Thermo Fisher- Mỹ	